



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.02272

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Empyreal 75
Số lượng/ khối lượng : 40 bao/ 50.000 kg
Ngày sản xuất : 05/01/2025; 08/01/2025
Hãng, nước sản xuất : Cargill incorporated, U.S.A
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 250844 ngày 10/02/2025
Hóa đơn số : 1883090 ngày 23/3/2025
Vận đơn số : 250244119
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 2424/HQ-GDK-TTKN ngày 13/4/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250034228)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**
Địa chỉ: 35 Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 906/QĐ-TTKN

Ngày 04 tháng 6 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.02273

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : Snakehead & Bass Compound Premix
Số lượng/ khối lượng : 1.250 bao/ 25.000 kg
Ngày sản xuất : 07/5/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangdong Daynew Aquatic Sci-Tech Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : VJ-20250423 ngày 23/4/2025
Hóa đơn số : VJ-20250423 ngày 23/4/2025
Vận đơn số : CULVNAS2518648
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3432/HQ-GDK-TTKN ngày 19/5/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035415)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**
Địa chỉ: 35 Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 906/QĐ-TTKN
Ngày 04 tháng 6 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Yên





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.02274

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : 003 Aquatic Compound Premix
Số lượng/ khối lượng : 5.000 bao/ 100.000 kg
Ngày sản xuất : 29-30/4/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangdong Daynew Aquatic Sci-Tech Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : VJ-20250423 ngày 23/4/2025
Hóa đơn số : VJ-20250423 ngày 23/4/2025
Vận đơn số : CULVNAS2518648
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 3432/HQ-GDK-TTKN ngày 19/5/2025
(Mã hồ sơ BNNPTNT29250035415)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**
Địa chỉ: 35 Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 906 /QĐ-TTKN
Ngày 04 tháng 6 năm 2025

Lê Văn Yên



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5935/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trương Tiền Công
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Trương Tiền Công
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 173325051336
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 31/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 31/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
003 Aquatic Compound Premix, BNNPTNT292500354 15	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 04/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5934/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trương Tiền Công
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Trương Tiền Công
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 173325051335
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 31/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 31/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Snakehead & Bass Compound Premix, BNNPTNT292500354 15	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	<0,9	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	1,09	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 04/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5932/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trương Tiền Công
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Trương Tiền Công
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 173325051333
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 31/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 31/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Empyreal 75, BNNPTNT292500342 28	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 04/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.